RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
DN: E=ngohuonghec2@gmail.com, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300566614, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II, O=CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II, L="159 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh", S=TP Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024-03-15 08:40:54
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Bùi Hữu Quỳnh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Hiển	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Chiến	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Ông Lê Văn Quốc	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên – Thôi giữ chức từ ngày 21/04/2023

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Phạm Hải Sơn	Trưởng ban – Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Bà Phạm Ngọc Quỳnh Lam	Thành viên
Ông Hoàng Đỗ Minh Trí	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 21/04/2023
Ông Quản Xuân Bình	Thành viên – Thôi giữ chức từ ngày 21/04/2023

Danh sách các thành viên Ban điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Quốc	Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 10/08/2023
Ông Trần Văn Hiển	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm GĐ KCS – Thôi giữ chức từ ngày 09/11/2023
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm GĐ Kinh Doanh – Thôi giữ chức từ ngày 27/04/2023
Bà Ngô Thu Hương	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0300566614 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Văn Quốc
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

RSM Việt Nam
Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

Số: 84/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thuỷ Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2024 từ trang 05 đến trang 34 , bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network.
Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right.
The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thuỷ Lợi II tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0067-2023-026-1

Nguyễn Đức Minh Tú
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
5423-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**222.896.809.885**	**200.782.882.890**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4.1	**108.711.458.920**	**75.408.266.712**
1. Tiền	111		9.861.458.920	5.108.266.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		98.850.000.000	70.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**29.331.658.370**	**28.500.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	29.331.658.370	28.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**83.098.902.375**	**87.808.772.979**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	90.937.148.408	96.088.751.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.231.741.283	762.471.197
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	23.228.655.666	20.212.766.011
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(32.298.642.982)	(29.255.215.529)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.658.277.801**	**8.443.057.990**
1. Hàng tồn kho	141	4.6	1.658.277.801	8.443.057.990
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**96.512.419**	**622.785.209**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.512.419	622.785.209
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**104.512.223.345**	**104.640.726.812**
I. Tài sản cố định	**220**		**15.193.941.559**	**15.622.636.662**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	11.087.352.105	11.516.047.208
Nguyên giá	222		52.865.647.514	51.443.247.980
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.778.295.409)	(39.927.200.772)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	4.106.589.454	4.106.589.454
Nguyên giá	228		4.106.589.454	4.106.589.454
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**5.273.223.636**	**4.805.460.000**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	5.273.223.636	4.805.460.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**84.000.000.000**	**84.000.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	84.000.000.000	84.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**45.058.150**	**212.630.150**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		45.058.150	212.630.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**327.409.033.230**	**305.423.609.702**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**79.994.113.719**	**76.383.504.742**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**79.994.113.719**	**76.383.504.742**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	9.772.135.972	6.528.029.751
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	28.651.646.174	32.542.943.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	5.833.531.980	4.237.220.625
4. Phải trả người lao động	314		10.172.194.000	8.958.038.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	22.516.348.727	19.797.388.636
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.14	2.197.087.500	3.709.254.610
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		851.169.366	610.629.366
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**247.414.919.511**	**229.040.104.960**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.15	**247.414.919.511**	**229.040.104.960**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		80.803.500.000	80.803.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		59.754.604.960	55.839.525.504
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.200.000.000	4.200.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.656.814.551	28.197.079.456
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.656.814.551	28.197.079.456
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**327.409.033.230**	**305.423.609.702**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II

Lê Văn Quốc	**Ngô Thu Hương**	**Nguyễn Thị Thu Hoài**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	173.066.048.018	156.122.735.100
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		173.066.048.018	156.122.735.100
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	121.379.432.540	109.467.312.424
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.686.615.478	46.655.422.676
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	26.305.144.727	14.176.035.624
6. Chi phí tài chính	22		-	49.918.707
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	33.133.537.264	30.849.134.805
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.858.222.941	29.932.404.788
9. Thu nhập khác	31		3.355.388.622	2.258.576.681
10. Lợi nhuận khác	40		3.355.388.622	2.258.576.681
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.213.611.563	32.190.981.469
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	5.556.797.012	3.993.902.013
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.656.814.551	28.197.079.456

M.S.D.N: 0309566614 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI II
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Văn Quốc	**Ngô Thu Hương**	**Nguyễn Thị Thu Hoài**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**48.213.611.563**	**32.190.981.469**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	2.888.516.012	1.731.127.714
Các khoản dự phòng	03		5.672.263.012	6.670.461.120
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(9.561.464)	42.691.542
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.431.946.899)	(14.904.330.344)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**30.332.882.224**	**25.730.931.501**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.306.217.888)	(9.205.447.092)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.784.780.189	(2.276.673.841)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.346.332.710	(33.062.414.770)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		693.844.790	528.145.827
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(4.052.053.635)	(2.265.153.570)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(41.460.000)	(64.529.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**33.758.108.390**	**(20.615.140.945)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.927.584.545)	(13.541.693.163)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		136.363.636	735.521.885
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(46.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	11.455.872.631
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.295.583.263	14.168.808.459
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**23.504.362.354**	**(33.681.490.188)**

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	98.803.500.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	3.500.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.15.4	(23.968.840.000)	(16.981.374.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(23.968.840.000)**	**81.822.126.000**
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	**50**		**33.293.630.744**	**27.525.494.867**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		75.408.266.712	47.925.463.387
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.561.464	(42.691.542)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	**70**	4.1	**108.711.458.920**	**75.408.266.712**

Lê Văn Quốc	**Ngô Thu Hương**	**Nguyễn Thị Thu Hoài**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi II (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300566614 ngày 29 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 08 năm 2023 để bổ sung thêm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 169 Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 198 (31/12/2022: 225).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, thiết kế và thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng thủy lợi, thủy điện. Khảo sát xây dựng (bao gồm khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, địa vật lý). Thí nghiệm đất, đá, nền móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế; kiểm tra chất lượng công trình. Kiểm định chất lượng công trình. Xác định nguyên nhân sự cố công trình. Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng.Thẩm tra dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế; thẩm tra dự toán. Quản lý dự án. Nhận tổng thầu khảo sát thiết kế và quản lý dự án theo qui định của điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng. Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khoan, phụt xử lý nền và thân công trình. Tư vấn đấu thầu (thiết kế, xây lắp, mua sắm) công trình thủy lợi. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị quan trắc công trình thủy lợi. thủy điện. Khảo sát và đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng.Tư vấn xây dựng công trình: hạ tầng cơ sở, cầu, đường giao thông và các công trình khác kết hợp trong dự án thủy lợi, cấp thoát nước và khoan giếng khai thác nước ngầm. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi: xây dựng và hoàn thiện. Tư vấn về vệ sinh môi trường. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu, đường bộ, thiết kế kết cấu công trình thủy lợi, giám sát: xây dựng và hoàn thiện loại công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình cầu, đường bộ. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông. Giám sát thi công xây dựng: Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy. Đo đạc bản đồ. Thiết kế công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp;
- Hoạt động vui chơi giải trí: Tư vấn đầu tư xây dựng, kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Kinh doanh bất động sản;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Nuôi trồng thủy sản;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời, điện gió, điện khí (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thuỷ điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công và lắp đặt hệ thống pin mặt trời, hệ thống điện năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, thiết bị năng lượng điện mặt trời (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Xây dựng nhà không để ở;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây dựng nhà máy điện, đường dây, mạng lưới dây truyền tải điện với khoảng cách dài. (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017-NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền nhà nước);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước, xử lý nước thải, chống sạt lở đất, hạ tầng kỹ thuật nông thôn, giao thông có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, cấp thoát nước, công trình ngầm dưới đất - nước, cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị. Xây dựng công trình cầu, đường bộ và các công trình giao thông khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 01 công ty con như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Phước Hòa	Sản xuất điện	212/47 đường Đập Phước Hòa, ấp 4, Xã An Thái, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	70%	70%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Khác	05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày Mục 3.14 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp hàng hoá và dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hoá, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 cụ thể như sau:

- Cung cấp dịch vụ thi công cống, kè và cọc;
- Khảo sát, tư vấn thiết kế các dự án xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	9.211.597	9.179.061
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.852.247.323	5.099.087.651
Các khoản tương đương tiền (*)	98.850.000.000	70.300.000.000
Cộng	**108.711.458.920**	**75.408.266.712**

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 1,8% đến 3,85%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và nhỏ hơn 12 tháng tại ngày 31/12/2023.

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phước Hòa. Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ban QL ĐT & XD Thủy Lợi 8	12.600.077.000	3.408.464.693
Công ty TNHH Trung Nam BT1547	9.002.058.111	9.230.770.413
Công ty TNHH Hoàng Minh	10.259.932.384	6.923.695.234
Các khách hàng khác (*)	59.075.080.913	76.525.820.960
Cộng	**90.937.148.408**	**96.088.751.300**

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	511.421.150	-	4.236.984.463	-
Ký cược, ký quỹ	22.323.283.650	-	15.323.283.083	
Phải thu thanh toán khoán	377.757.994		646.702.926	
Phải thu khác	16.192.872	-	5.795.539	-
Cộng	**23.228.655.666**	**-**	**20.212.766.011**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	53.894.953.743	21.596.310.761	51.199.840.774	21.944.625.245

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số đầu năm	29.255.215.529	23.338.937.979
Trích lập trong năm	12.231.869.671	9.903.953.983
Hoàn nhập trong năm	(9.188.442.218)	(3.987.676.433)
Số cuối năm	**32.298.642.982**	**29.255.215.529**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các công nợ đã quá hạn lâu năm và khách hàng không có khả năng thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV 17	5.529.025.379	997.212.268	Trên 3 năm	5.529.025.379	1.662.020.447	Trên 3 năm
Công ty TNHH Trung Nam BT 1547	9.002.058.111	5.350.583.989	Từ 1 năm đến 3 năm	3.480.826.153	2.090.401.929	Dưới 1 năm đến 2 năm
Công ty TNHH Hoàng Minh	6.923.695.234	3.120.343.239	Từ dưới 2 năm đến 3 năm	2.620.248.231	890.381.508	Từ 1 năm đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	32.440.175.019	12.128.171.265	Từ 1 năm đến trên 3 năm	39.569.741.011	17.301.821.361	Từ 1 năm đến trên 3 năm
Cộng	**53.894.953.743**	**21.596.310.761**		**51.199.840.774**	**21.944.625.245**	

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Nghị quyết số 603/2023/HECII-NQHĐQT ngày 30/11/2023 thực hiện xóa nợ phải thu khó đòi đã được trích lập dự phòng 100% trên 3 năm theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính. Tổng số công nợ phải thu xóa nợ trong năm là 4.141.002.669 đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do các Chủ đầu tư, Ban quản lý đã ngừng hoạt động, các hạng mục thuộc dự án, công trình đã kết thúc, không còn được đầu tư – Xem thêm Mục 4.16.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	353.575.801	-	382.270.990	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.304.702.000	-	8.060.787.000	-
Cộng	**1.658.277.801**	**-**	**8.443.057.990**	**-**

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Xây dựng cơ bản Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin	5.273.223.636	4.805.460.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2023	4.648.132.427	32.953.991.631	12.225.581.725	906.451.288	709.090.909	51.443.247.980
Mua trong năm	-	186.000.000	2.134.995.000	138.825.909	-	2.459.820.909
Thanh lý, nhượng bán	(-)	(223.480.000)	(531.670.000)	(282.271.375)	(-)	(1.037.421.375)
Tại ngày 31/12/2023	**4.648.132.427**	**32.916.511.631**	**13.828.906.725**	**763.005.822**	**709.090.909**	**52.865.647.514**
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2023	3.431.380.772	25.812.228.842	9.561.166.846	673.333.396	449.090.916	39.927.200.772
Khấu hao trong năm	95.047.362	2.062.281.675	478.110.353	111.258.444	141.818.178	2.888.516.012
Thanh lý, nhượng bán	(-)	(223.480.000)	(531.670.000)	(282.271.375)	(-)	(1.037.421.375)
Tại ngày 31/12/2023	**3.526.428.134**	**27.651.030.517**	**9.507.607.199**	**502.320.465**	**590.909.094**	**41.778.295.409**
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2023	1.216.751.655	7.141.762.789	2.664.414.879	233.117.892	259.999.993	11.516.047.208
Tại ngày 31/12/2023	**1.121.704.293**	**5.265.481.114**	**4.321.299.526**	**260.685.357**	**118.181.815**	**11.087.352.105**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 34.287.650.858 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý là 57.516.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng & Dịch Vụ Phương Anh	2.561.584.000	2.561.584.000	-	-
Công ty TNHH MTV Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kỹ Thuật Việt	2.494.309.173	2.494.309.173	2.494.309.173	2.494.309.173
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Trường Duy	1.152.025.000	1.152.025.000		
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	3.564.217.799	3.564.217.799	4.033.720.578	4.033.720.578
Cộng	**9.772.135.972**	**9.772.135.972**	**6.528.029.751**	**6.528.029.751**

(*) Tại ngày 31/12/2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.11. Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ban QL ĐT & XD Thủy Lợi 1	8.251.900.000	-
Ban QL ĐT & XD Thủy Lợi 9	5.750.632.487	7.260.428.290
Ban QLDA Đầu Tư XD các CT NN & PTNT Tỉnh Kon Tum	4.630.000.000	-
Các khách hàng khác	10.019.113.687	25.282.515.464
Cộng	**28.651.646.174**	**32.542.943.754**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.705.616.677	9.402.922.678	8.993.659.167	-	2.296.353.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.773.608.570	5.556.797.012	4.052.053.635	-	1.268.865.193
Thuế thu nhập cá nhân	-	354.306.733	4.818.229.917	5.135.925.450	-	672.002.266
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	76.653.172	76.653.172	-	-
Cộng	**-**	**5.833.531.980**	**19.857.602.779**	**18.261.291.424**	**-**	**4.237.220.625**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả khác ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả thanh toán khoán	21.206.682.988	18.734.352.280
Phải trả về cổ phần hóa	538.999.251	557.822.580
Cổ tức phải trả	71.440.000	40.280.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	699.226.488	464.933.776
Cộng	**22.516.348.727**	**19.797.388.636**

4.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành các công trình đã thi công tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với mức trích dự phòng tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công và không vượt quá 5% theo quy định của Nhà nước.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	42.000.000.000	-	54.264.219.398	4.200.000.000	18.560.906.106	119.025.125.504
Tăng vốn trong năm trước	18.000.000.000	80.803.500.000	-	-	-	98.803.500.000
Lãi trong năm trước	-	-		-	28.197.079.456	28.197.079.456
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.575.306.106	-	(1.575.306.106)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(185.600.000)	(185.600.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(16.800.000.000)	(16.800.000.000)
Tại ngày 01/01/2023	60.000.000.000	80.803.500.000	55.839.525.504	4.200.000.000	28.197.079.456	229.040.104.960
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	42.656.814.551	42.656.814.551
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.915.079.456	-	(3.915.079.456)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(282.000.000)	(282.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	**60.000.000.000**	**80.803.500.000**	**59.754.604.960**	**4.200.000.000**	**42.656.814.551**	**247.414.919.511**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ông Bùi Hữu Quỳnh	19.007.600.000	10.474.900.000
Bà Ngô Thu Hương	7.528.800.000	7.300.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	33.463.600.000	32.821.000.000
Cộng	**60.000.000.000**	**42.000.000.000**

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	6.000.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	6.000.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	6.000.000	4.200.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.15.4. Cổ tức

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số dư đầu năm	40.280.000	221.654.000
Cổ tức phải trả	24.000.000.000	16.800.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông (*)	23.968.840.000	16.981.374.000
Số dư cuối năm	**71.440.000**	**40.280.000**

(*) Trong đó, cổ tức đã chi trả cho các bên liên quan trong năm 2023 là 10.628.360.000 VND (năm 2022 là 8.296.360.000 VND) – Xem thêm Mục 6.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15.5. Báo cáo tình hình sử dụng vốn tăng thêm từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm tài chính 2021 ngày 22 tháng 04 năm 2022 như sau:

Số thứ tự	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Thuỷ Lợi II
2	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
4	Số lượng cổ phiếu chào bán	1.800.000 cổ phiếu
5	Giá trị chào bán	18.000.000.000 đồng
6	Hình thức chào bán	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và chào bán cổ phiếu riêng lẻ
7	Ngày bắt đầu chào bán	19/07/2022
8	Ngày hoàn thành đợt chào bán	15/09/2022
9	Tổng số cổ phiếu đã bán	1.800.000 cổ phiếu
10	Mục đích phát hành	Huy động nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Theo Công văn số 5904/UBCK-QLCB ngày 05/09/2022 của Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp nhận kết quả phát hành ESOP và Công văn số 6396/UBCK-QLCB ngày 26/09/2022 của Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp nhận kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Theo Quyết định số 757/QĐ-SGDHN ngày 26/10/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cho Công ty được bổ sung giao dịch 1.800.000 cổ phiếu mới phát hành nêu trên.

Phương án sử dụng vốn đã công bố

Theo hồ sơ phát hành đã được chấp thuận tại Công văn số 4556/UBCK-QLCB và Công văn số 5083/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Báo cáo thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/04/2023, mục đích và kế hoạch sử dụng vốn từ việc chào bán chứng khoán như sau:

	Kế hoạch sử dụng vốn VND
Chi lương, thưởng cho người lao động từ phát hành ESOP	11.550.000.000
Chi lương, thưởng cho người lao động từ phát hành riêng lẻ	45.765.703.609
Thanh toán tiền cho nhà cung cấp:	
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng & Dịch vụ Phương Anh	24.076.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	170.296.391
Công ty TNHH Hoàng Minh	12.567.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	4.871.000.000
Cộng	**99.000.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tình hình sử dụng vốn nguồn vốn điều lệ tăng thêm đến 31/12/2023 như sau:

Số lượng cổ phiếu	1.800.000
Giá bán (VND/cổ phiếu)	55.000
Thành tiền (VND)	99.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	(196.500.000)

Chi tiết các khoản chi như sau:

Tổng số tiền đã chi trong năm 2022	32.791.005.034
Tổng số tiền đã chi trong năm 2023	66.208.994.966
Cộng	**99.000.000.000**

Cụ thể như sau:	Đã giải ngân VND
Chi lương, thưởng cho người lao động từ phát hành ESOP	11.550.000.000
Chi lương, thưởng cho người lao động từ phát hành riêng lẻ	45.765.703.609
Thanh toán tiền cho nhà cung cấp:	
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng & Dịch vụ Phương Anh	24.076.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	170.296.391
Công ty TNHH Hoàng Minh	12.567.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	4.871.000.000
Cộng	**99.000.000.000**

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	428,6	428,6
EUR	5.447,81	5.446,65

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 - VND
Nợ khó đòi đã xử lý	4.141.002.669	-

Lý do xử lý chủ yếu là do các Chủ đầu tư, Ban quản lý đã ngừng hoạt động, các hạng mục thuộc dự án, công trình đã kết thúc, không còn được đầu tư – Xem thêm Mục 4.5.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu xây dựng, dịch vụ tư vấn, khảo sát thiết kế và các dịch vụ khác đã cung cấp trong năm.

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn xây dựng, dịch vụ tư vấn, khảo sát và các dịch vụ khác đã cung cấp trong năm.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	5.295.583.263	1.568.808.459
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.561.464	7.227.165
Cổ tức được chia từ bên liên quan – Xem thêm Mục 6	21.000.000.000	12.600.000.000
Cộng	**26.305.144.727**	**14.176.035.624**

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.873.721.361	18.936.788.462
Chi phí vật liệu quản lý	551.278.698	689.887.490
Chi phí đồ dùng văn phòng	464.356.965	698.221.633
Chi phí khấu hao TSCĐ	758.518.233	439.724.579
Thuế, phí và lệ phí	132.094.000	164.373.500
Chi phí dự phòng	7.184.430.122	5.916.277.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.489.961.742	3.485.684.548
Chi phí bằng tiền khác	679.176.143	518.177.043
Cộng	**33.133.537.264**	**30.849.134.805**

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.510.499.796	30.379.116.685
Chi phí nhân công	72.841.139.947	67.614.949.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.888.516.012	1.731.127.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.697.191.756	32.711.055.589
Chi phí khác bằng tiền	3.635.107.171	3.651.670.531
Chi phí dự phòng	7.184.430.122	6.670.466.120
Cộng	**147.756.884.804**	**142.758.386.079**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	48.213.611.563	32.190.981.469
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng theo luật thuế TNDN	331.391.735	118.344.498
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(22.036.960.449)	(12.600.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	26.508.042.849	19.709.325.967
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	5.301.608.570	3.941.865.193
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	255.188.442	52.036.820
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**5.556.797.012**	**3.993.902.013**

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan		Mối quan hệ
1.	Công ty Cổ phần Phước Hoà	Công ty con
2.	Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (TGĐ), Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt
3.	Nguyễn Thị Bình	Thành viên mật thiết trong gia đình của nhân sự quản lý chủ chốt
4.	Bùi Lộc	Thành viên mật thiết trong gia đình của nhân sự quản lý chủ chốt
5.	Bùi Thị Minh Huyền	Thành viên mật thiết trong gia đình của nhân sự quản lý chủ chốt
6.	Ngô Thu Hà	Thành viên mật thiết trong gia đình của nhân sự quản lý chủ chốt
7.	Lê Minh Ưng	Thành viên mật thiết trong gia đình của nhân sự quản lý chủ chốt
8.	Nguyễn Duy Hiếu	Thành viên mật thiết trong gia đình của nhân sự quản lý chủ chốt
9.	Phạm Ngọc Hoanh	Thành viên mật thiết trong gia đình của nhân sự quản lý chủ chốt
10.	Trần Thị Hân	Thành viên mật thiết trong gia đình của nhân sự quản lý chủ chốt

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức đã trả:		
Bùi Hữu Quỳnh – Chủ tịch HĐQT	(4.189.960.000)	(4.189.960.000)
Trần Văn Hiển – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ	(543.040.000)	(543.040.000)
Lê Văn Quốc – Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	(428.720.000)	(148.720.000)
Nguyễn Đức Chiến – Thành viên HĐQT	(152.520.000)	(107.720.000)
Phạm Minh Trí – Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	(432.000.000)	(16.000.000)
Nguyễn Văn Tiến – Phó TGĐ kiêm GĐ Kinh Doanh – Thôi giữ chức từ ngày 27/04/2023	(1.184.040.000)	(1.184.040.000)
Đào Văn Nam – Phó TGĐ kiêm GĐ KCS – Thôi giữ chức từ ngày 09/11/2023	(110.000.000)	(110.000.000)
Nguyễn Tiến Đạt – Phó TGĐ	(83.920.000)	(43.920.000)
Ngô Thu Hương – Kế toán trưởng	(2.920.000.000)	(1.720.000.000)
Phạm Hải Sơn – Trưởng Ban kiểm soát	(31.520.000)	(31.520.000)
Hoàng Đỗ Minh Trí – Thành viên Ban Kiểm soát	(4.000.000)	
Quản Xuân Bình – Thành viên Ban Kiểm soát – Thôi giữ chức từ ngày 21/04/2023	(8.000.000)	(8.000.000)
Nguyễn Thị Bình	(10.800.000)	(10.800.000)
Bùi Lộc	(45.200.000)	(45.200.000)
Bùi Thị Minh Huyền	(3.800.000)	(3.800.000)
Ngô Thu Hà	(192.400.000)	(80.000.000)
Lê Minh Ưng	(20.000.000)	-
Nguyễn Duy Hiếu	(200.000.000)	-
Phạm Ngọc Hoanh	(32.240.000)	(26.240.000)
Trần Thị Hân	(36.200.000)	(27.400.000)
Cộng – Xem thêm Mục 4.15.4	**(10.628.360.000)**	**(8.296.360.000)**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận được chia từ công ty con – Xem thêm Mục 5.3	21.000.000.000	12.600.000.000

Thù lao Hội đồng Quản trị Công ty trong năm được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bùi Hữu Quỳnh	Chủ tịch	1.800.000.000	120.000.000
Trần Văn Hiển	Phó chủ tịch	96.000.000	96.000.000
Lê Văn Quốc	Thành viên	56.000.000	-
Phạm Minh Trí	Thành viên	56.000.000	-
Nguyễn Đức Chiến	Thành viên	84.000.000	84.000.000
Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	28.000.000	84.000.000
Cộng		**2.120.000.000**	**384.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao Người Phụ trách Quản trị Công ty trong năm được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ngô Thu Hương	Người Phụ trách quản trị công ty	92.000.000	49.000.000

Thu nhập của Ban Điều hành và các nhân sự chủ chốt khác được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lê Văn Quốc	Tổng Giám đốc	2.032.200.000	1.363.119.000
Trần Văn Hiển	Phó Tổng Giám đốc	988.000.000	923.000.000
Nguyễn Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	988.000.000	678.000.000
Phạm Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	1.193.000.000	1.355.800.000
Ngô Thu Hương	Kế toán trưởng	1.178.000.000	933.000.000
Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm GĐ KCS	543.000.000	613.000.000
Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	358.000.000	993.000.000
Cộng		**7.280.200.000**	**6.858.919.000**

Thù lao Ban kiểm soát Công ty trong năm được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Phạm Hải Sơn	Trưởng ban	44.000.000	36.000.000
Phạm Ngọc Quỳnh Lam	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Hoàng Đỗ Minh Trí	Thành viên	24.000.000	-
Quản Xuân Bình	Thành viên– Thôi giữ chức từ ngày 21/04/2023	12.000.000	36.000.000
Cộng		**116.000.000**	**108.000.000**

Thu nhập Ban kiểm soát Công ty trong năm được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Phạm Hải Sơn	Trưởng ban	251.000.000	302.000.000
Phạm Ngọc Quỳnh Lam	Thành viên	197.754.000	199.568.000
Hoàng Đỗ Minh Trí	Thành viên	378.136.000	390.100.000
Quản Xuân Bình	Thành viên– Thôi giữ chức từ ngày 21/04/2023	424.326.000	341.673.000
Cộng		**1.251.216.000**	**1.233.341.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Lê Văn Quốc	**Ngô Thu Hương**	**Nguyễn Thị Thu Hoài**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024